|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** | | |
| **TỈNH VĨNH LONG** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | |
| Số: 192 /QĐ-UBND |  | *Vĩnh Long, ngày 29 tháng 01 năm 2018* |  |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung**

**thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, ngày 08/06/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, ngày 14/5/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP, ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP, ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch – Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 113/TTr-SXD, ngày 23/01/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo quyết định này 03 (Ba) thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực Hoạt động xây dựng, Quy hoạch – kiến trúc thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện *(có phụ lục chi tiết kèm theo).*

**Điều 2.** Bãi bỏ 03 TTHC được công bố tại Quyết định số 2356/QĐ-UBND, ngày 03/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

**Điều 3.** Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Niêm yết công khai đầy đủ danh mục và nội dung các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Trang thông tin điện tử của đơn vị.

- Căn cứ cách thức thực hiện của từng TTHC được công bố tại quyết định này, bổ sung vào Danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính; Danh mục TTHC không thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố và niêm yết công khai đầy đủ tại trụ sở, Trang thông tin điện tử của đơn vị.

- Tổ chức thực hiện đúng của các TTHC được công bố kèm theo Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 4;  - Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;  - TT.TU, TT.HĐND tỉnh;  - CT, các PCT UBND tỉnh;  - LĐVP UBND tỉnh;  - Phòng KSTTHC;  - Lưu: 1.20.05. | **KT.CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Đã ký: Lê Quang Trung** |

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 192 /QĐ-UBND, ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** |
| **I . Lĩnh vực hoạt động xây dựng** | |
| 1 | Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (*quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD)* |
| **II. Lĩnh vực Quy hoạch – kiến trúc** | |
| 1 | Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện |
| 2 | Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện |

**PHỤ LỤC II**

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**

**CỦA UBND CẤP HUYỆN**

**I. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng**

**1. Thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (*quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD)***

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1.** Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định pháp luật

**Bước 2.** Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long).

**\* Đối với trường hợp nộp trực tiếp, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định:**

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức ra phiếu nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả (theo đúng mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg, ngày 25/3/2015) giao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (theo đúng mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg, ngày 25/3/2015) gửi cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (đảm bảo tổ chức, cá nhân chỉ phải bổ sung hồ sơ một lần).

**\* Đối với trường hợp gửi qua dịch vụ bưu điện:**

+ Tổ chức, cá nhân có thể gửi nộp hồ sơ tại các điểm phục vụ bưu chính của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích (Cước phí do tổ chức, cá nhân thanh toán với Bưu điện theo giá cước quy định).

+ Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định do nhân viên bưu chính chuyển đến.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức ra giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả (theo đúng mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg, ngày 25/3/2015) giao cho nhân viên bưu chính.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (theo đúng mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg, ngày 25/3/2015) gửi cho nhân viên bưu chính để báo lại cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (đảm bảo tổ chức, cá nhân chỉ phải bổ sung hồ sơ một lần).

**Bước 3. Thực hiện thẩm định**

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định (nếu có) đến tổ chức, cá nhân (việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một (01) lần trong quá trình thẩm định).

- Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng, nếu tổ chức, cá nhân không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan chuyên môn về xây dựng dừng việc thẩm định. Tổ chức, cá nhân trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

+ Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác xây dựng xây dựng có văn bản yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức có năng lực phù hợp theo quy định để ký hợp đồng thẩm tra phục vụ công tác thẩm định. Thời gian thực hiện thẩm tra không quá **15** (mười lăm) ngày đối với công trình cấp II; không quá **10** (mười) ngày đối với công trình cấp III; không quá **07** (bảy) ngày đối với các công trình còn lại Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra, hồ sơ thiết kế đã đóng dấu thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để làm cơ sở thẩm định. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến cơ quan thẩm định để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

+ Bộ phận chuyên môn được giao thụ lý hồ sơ xem xét, dự thảo Báo cáo thẩm định, trình người đứng đầu cơ quan thẩm định ký và thông báo kết quả thẩm định.

**Bước 4.** Tổ chức, cá nhân nộp phí, lệ phí theo quy định và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo địa chỉ đã gửi hồ sơ ban đầu.

+ Khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, người nhận phải trả lại phiếu nhận hồ sơ (nếu gửi hồ sơ qua đường bưu điện thì xuất trình giấy chứng minh nhân dân) và ký vào sổ theo dõi hồ sơ (theo đúng mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg, ngày 25/3/2015);

+ Công chức trả kết quả kiểm tra lại kết quả trước khi trao cho người nhận;

+ Người nhận kết quả kiểm tra lại kết quả, nếu phát hiện có sai sót hoặc không đúng thì yêu cầu điều chỉnh lại cho đúng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*a) Thành phần hồ sơ:*

***\** Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh**

*+ Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (theo Mẫu số 04, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP)(bản chính)*

*+ Các văn bản pháp lý có liên quan:*

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư công trình (bản photo)

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (trường hợp dự án phải lập Báo cáo đánh giác tác động môi trường) (bản photo);

- Văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy cho công trình (trường hợp dự án do cơ quan cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy) (bản photo);

- Báo cáo tổng hợp của Chủ đầu tư (theo mẫu số 01, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD) (bản chính);

- Văn bản của cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng: Cung cấp thông tin về địa điểm xây dựng, chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ, cốt xây dựng và thông tin khác liên quan đến quy hoạch (theo Khoản 2, Điều 43 của Luật Xây dựng) (bản chính);

- Các văn bản thông tin kỹ thuật chuyên ngành được cấp có thẩm quyền cung cấp: thông tin, số liệu hạ tầng kỹ thuật đô thị; thông tin nguồn cấp nước; thông tin về khả năng cung cấp điện; thông tin về đầu nối hệ thống thoát nước; thông tin để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư… (bản chính);

- Nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt (bản chính).

*+ Tài kiệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán công trình (lập theo quy định tại Điều 55 của Luật Xây dựng):*

- Hồ sơ khảo sát xây dựng được lập theo quy định tại Điều 11 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP) (bản chính);

- Thuyết minh báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (bản chính);

- Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình được lập theo quy định tại Điều 17 của Nghị định 46/2015/NĐ-CP, bao gồm: Thiết kế bản vẽ thi công (thuyết minh và bản vẽ) và dự toán xây dựng công trình) (bản chính).

*+ Báo cáo thẩm tra và file báo cáo thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình (nếu có) (bản chính);*

*+ Hồ sơ năng lực của các nhà thầu*

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng (bản chính);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế và chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra thiết kế của nhà thầu thẩm tra thiết kế (bản sao có chứng thực).

**\* Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)**

*+ Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình (theo Mẫu số 06, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP) (bản chính);*

*+ Các văn bản pháp lý có liên quan:*

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (trường hợp dự án phải lập Báo cáo đánh giác tác động môi trường) (bản photo);

- Văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy cho công trình (trường hợp dự án do cơ quan cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy) (bản photo);

- Báo cáo tổng hợp của Chủ đầu tư (theo mẫu số 01, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD) (bản chính);

*+ Tài kiệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán công trình (lập theo quy định tại Điều 55 của Luật Xây dựng)*

- Hồ sơ khảo sát xây dựng được lập theo quy định tại Điều 11 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP) (bản chính);

- Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình được lập theo quy định tại Điều 17 của Nghị định 46/2015/NĐ-CP, bao gồm: Thiết kế bản vẽ thi công (thuyết minh và bản vẽ) và dự toán xây dựng công trình (bản chính).

*+ Báo cáo thẩm tra và file báo cáo thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình (nếu có) (bản chính);*

*+ Hồ sơ năng lực của các nhà thầu*

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng (bản chính);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế và chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra thiết kế của nhà thầu thẩm tra thiết kế (bản sao có chứng thực).

*b) Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

**- Thời hạn giải quyết:**

+ Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Không quá 18 (mười tám) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trong đó đã bao gồm thời hạn có văn bản trả lời của các cơ quan, tổ chức có liên quan đến dự án là 07 (bảy) ngày).

+ Thẩm định thiết kế dự toán: Không quá 15 (mười lăm) ngày.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Quản lý đô thị thành phố, thị xã; Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)

**- Lệ phí:**

*+ Lệ phí thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật:* Theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

*+ Lệ phí thẩm định thiết kế dự toán:* Theo quy định tại Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.

**- Mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (theo mẫu số 04, phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP)

+ Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình (theo Mẫu số 06, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP);

+ Báo cáo tổng hợp của Chủ đầu tư (theo mẫu số 01, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD);

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**- Căn cứ pháp lý:**

+ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 24/6/2014;

+ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

+ Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

+ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

+ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

+ Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

+ Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bội Tài chính quy định mức thu, chế độ nộp, quản lý và sử dụng Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.

+ Quyết định số 328/QĐ-UBND, ngày 21/02/2017 của UBND tỉnh Vĩnh Long Ban hành quy trình thẩm định dự án, thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

**Mẫu số 04**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……….. | *………, ngày ….. tháng ….. năm ….* |

**TỜ TRÌNH**

**Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

**I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH**

1. Tên công trình: .........................................................................................................

2. Loại, cấp, quy mô công trình: ....................................................................

3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,….): ................

4. Địa điểm xây dựng: .........................................................................

5. Giá trị dự toán xây dựng công trình: ................................................................

6. Nguồn vốn đầu tư: ..................................................................................

7. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng: ..................................................

8. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: .............................................................

9. Các thông tin khác có liên quan: ..................................................................

**II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM**

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);

- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);

- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;

- Và các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình…. với các nội dung nêu trên./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*     **Tên người đại diện** |

**Mẫu số 06**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……….. | *………, ngày … tháng …. năm ……..* |

**TỜ TRÌNH**

**Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình**

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

**I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH**

1. Tên công trình: .............................................................................................

2. Cấp công trình: ...............................................................................................

3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt .....................................

4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...): ...................

5. Địa điểm xây dựng: ......................................................................................

6. Giá trị dự toán xây dựng công trình: ..............................................................

7. Nguồn vốn đầu tư: ........................................................................................

8. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng: .....................................................

9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: ....................................................................

10. Các thông tin khác có liên quan: ..............................................................

**II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM**

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;

- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);

- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;

- Các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*     **Tên người đại diện** |

**Mẫu số 01**

**Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ ĐẦU TƯ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……………… V/v ……………… | *………, ngày … tháng … năm……* |

**BÁO CÁO TỔNG HỢP**

**Về hồ sơ trình thẩm định**

Kính gửi: (Tên cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi Tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình (nếu có) do.... (đơn vị lập);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

(Tên chủ đầu tư) trình Báo cáo tổng hợp thiết kế và dự toán xây dựng công trình (nếu có) với các nội dung sau:

1. Sự phù hợp về thành phần, quy cách của hồ sơ thiết kế so với quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật (hồ sơ thiết kế bao gồm: thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan);

2. Thống kê các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng trong hồ sơ thiết kế xây dựng công trình;

3. Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình (nếu có) (ngành nghề được phép thực hiện lập khảo sát, thiết kế xây dựng công trình theo giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc các chứng nhận được cơ quan có thẩm quyền cấp);

4. Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình (mô tả chi Tiết về năng lực của các chủ nhiệm, chủ trì);

a. Các chủ nhiệm khảo sát xây dựng:

- Chủ nhiệm khảo sát xây dựng: ...(loại hình khảo sát được cấp theo chứng chỉ hành nghề)……… có đủ năng lực khảo sát xây dựng công trình và theo Chứng chỉ số ………… ngày ………… đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

b. Các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế xây dựng công trình:

- Chủ nhiệm thiết kế: ………… có đủ năng lực chủ nhiệm thiết kế công trình và theo Chứng chỉ số …………… ngày ………… đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

- Chủ trì thiết kế....(theo chuyên môn thiết kế được cấp theo chứng chỉ hành nghề): …………… có đủ năng lực chủ nhiệm thiết kế công trình và theo Chứng chỉ số ………… ngày ………… đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu. | **CHỦ ĐẦU TƯ** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)* |

**Mức thu phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật**

1. Mức thu phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở thực hiện theo quy định tại Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Xác định số tiền phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng phải thu:

a) Căn cứ xác định số tiền phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng phải thu là tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt và mức thu, cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng | = | Tổng mức đầu tư được phê duyệt | x | Mức thu |

Trường hợp nhóm công trình có giá trị nằm trong khoảng giữa các tổng mức đầu tư ghi trên Biểu mức thu thì phí thẩm định đầu tư phải thu được tính theo phương pháp nội suy như sau:



Trong đó:

+ Nit là phí thẩm định cho nhóm dự án thứ i theo quy mô giá trị cần tính (đơn vị tính: %).

+ Git là quy mô giá trị của nhóm dự án thứ i cần tính phí thẩm định đầu tư (đơn vị tính: giá trị công trình).

+ Gia là quy mô giá trị cận trên quy mô giá trị cần tính phí thẩm định (đơn vị tính: giá trị công trình).

+ Gib là quy mô giá trị cận dưới quy mô giá trị cần tính phí thẩm định (đơn vị tính: giá trị công trình).

+ Nia là phí thẩm định cho nhóm dự án thứ i tương ứng Gia (đơn vị tính: %).

+ Nib là phí thẩm định cho nhóm dự án thứ i tương ứng Gib (đơn vị tính: %).

Trong đó mức thu theo tổng vốn đầu tư dự án được quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng phải thu đối với một dự án đầu tư được xác định theo hướng dẫn tại điểm a khoản này nhưng tối đa không quá 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng/dự án.

Trường hợp đặc biệt, Bộ Xây dựng có đề án đề nghị Bộ Tài chính xem xét, quyết định số tiền phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng phải thu đối với từng dự án cụ thể.

c) Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng đối với khu đô thị mới được xác định theo hướng dẫn tại điểm a khoản này, trong đó tổng mức đầu tư được phê duyệt làm căn cứ tính thu phí không bao gồm chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt trong dự án.

d) Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng đối với công trình quy mô nhỏ (thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) sử dụng vốn ngân sách nhà nước được xác định theo hướng dẫn tại điểm a khoản này.

3. Xác định số tiền phí thẩm định thiết kế cơ sở phải thu:

Đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án PPP và dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác theo quy định của Luật xây dựng và Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng (theo phân cấp) chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở của dự án thì mức thu phí thẩm định thiết kế cơ sở của dự án bằng 50% phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng tại điểm 1 Biểu mức thu.

4. Đối với những dự án đầu tư quy định phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, nhưng cơ quan nhà nước không đủ điều kiện thẩm định mà phải thuê chuyên gia, tư vấn thẩm tra phục vụ công tác thẩm định hoặc có yêu cầu chuyên gia, tư vấn thẩm tra hoặc đã có thẩm tra trước khi thẩm định thì cơ quan nhà nước chỉ được thu phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí tương ứng quy định tại điểm 1, 2 Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư này. Chi phí thuê chuyên gia, tư vấn thẩm tra thực hiện theo quy định của Bộ Xây dựng.

**BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, PHÍ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ**

*(Ban hành kèm theo thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**1. Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng) | ≤ 15 | 25 | 50 | 100 | 200 | 500 | 1.000 | 2.000 | 5.000 | ≥10.000 |
| Tỷ lệ % | 0,0190 | 0,0170 | 0,0150 | 0,0125 | 0,0100 | 0,0075 | 0,0047 | 0,0025 | 0,0020 | 0,0010 |

**2. Phí thẩm định thiết kế cơ sở** (đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án PPP và dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác): Mức phí thẩm định thiết kế cơ sở bằng 50% mức phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng tại điểm 1 Biểu mức thu.

**Mức thu phí thẩm định thiết kế dự toán**

1. Mức thu phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng thực hiện theo quy định tại Phụ lục 1 và 2 Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Số phí thẩm định phải nộp được xác định theo công thức sau:

Số phí thẩm định phải nộp = Chi phí xây dựng x Mức thu.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: Là chi phí xây dựng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu được duyệt.

- Mức thu: Được quy định tại Phụ lục 1 và 2 Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trường hợp công trình có chi phí xây dựng nằm trong khoảng giữa các chi phí xây dựng ghi trên Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này thì số phí thẩm định phải nộp được xác định theo công thức sau:



Trong đó:

- Nt: Mức thu theo chi phí xây dựng cần tính (đơn vị tính: Tỷ lệ %);

- Gt: Chi phí xây dựng cần tính định mức (đơn vị tính: Giá trị công trình);

- Ga: Chi phí xây dựng cận trên chi phí cần tính định mức (đơn vị tính: Giá trị);

- Gb: Chi phí xây dựng cận dưới chi phí cần tính định mức (đơn vị tính: Giá trị);

- Na: Mức thu tương ứng với Ga (đơn vị tính: Tỷ lệ %);

- Nb: Mức thu tương ứng với Gb (đơn vị tính: Tỷ lệ %).

4. Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng chủ trì thẩm định mời tổ chức tư vấn hoặc cá nhân có chuyên môn kinh nghiệm phù hợp tham gia thẩm định để phục vụ công tác thẩm định của mình thì cơ quan chuyên môn về xây dựng thu phí thẩm định theo quy định tại Phụ lục số 2 Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này. Chi phí cho tổ chức tư vấn, cá nhân thực hiện thẩm tra do chủ đầu tư chi trả trực tiếp cho tổ chức tư vấn, cá nhân theo mức chi phí quy định của Bộ Xây dựng.

5. Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định mà thuê tổ chức hoặc cá nhân có năng lực phù hợp thẩm tra phục vụ công tác thẩm định thì cơ quan chuyên môn về xây dựng không thu phí thẩm định theo quy định tại Thông tư này. Chi phí thẩm tra được chủ đầu tư chi trả trực tiếp cho tổ chức tư vấn, cá nhân thực hiện thẩm tra, mức chi phí thực hiện theo quy định của Bộ Xây dựng.

**BIỂU MỨC THU PHÍ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**Phụ lục số 1: Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng** (Thẩm định thiết kế kỹ thuật, thẩm định dự toán xây dựng đối với trường hợp thiết kế ba bước; thiết kế bản vẽ thi công, thẩm định dự toán công trình đối với trường hợp thiết kế hai bước)

1. Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật

*Đơn vị tính: Tỷ lệ%*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Loại công trình** | **Chi phí xây dựng (chưa có thuế GTGT) trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu được duyệt (tỷ đồng)** | | | | | | | | |
| **≤15** | **50** | **100** | **200** | **500** | **1.000** | **2.000** | **5.000** | **8.000** |
| 1 | Công trình dân dụng | 0,165 | 0,110 | 0,085 | 0,065 | 0,050 | 0,041 | 0,029 | 0,022 | 0,019 |
| 2 | Công trình công nghiệp | 0,190 | 0,126 | 0,097 | 0,075 | 0,058 | 0,044 | 0,035 | 0,026 | 0,022 |
| 3 | Công trình giao thông | 0,109 | 0,072 | 0,055 | 0,043 | 0,033 | 0,025 | 0,021 | 0,016 | 0,014 |
| 4 | Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn | 0,121 | 0,080 | 0,061 | 0,048 | 0,037 | 0,028 | 0,023 | 0,017 | 0,014 |
| 5 | Công trình hạ tầng kỹ thuật | 0,126 | 0,085 | 0,065 | 0,050 | 0,039 | 0,030 | 0,026 | 0,019 | 0,017 |

2. Phí thẩm định dự toán xây dựng

*Đơn vị tính: Tỷ lệ %*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Loại công trình** | **Chi phí xây dựng (chưa có thuế GTGT) trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu được duyệt (tỷ đồng)** | | | | | | | | |
| **≤15** | **50** | **100** | **200** | **500** | **1.000** | **2.000** | **5.000** | **8.000** |
| 1 | Công trình dân dụng | 0,160 | 0,106 | 0,083 | 0,062 | 0,046 | 0,038 | 0,028 | 0,021 | 0,018 |
| 2 | Công trình công nghiệp | 0,185 | 0,121 | 0,094 | 0,072 | 0,055 | 0,041 | 0,033 | 0,023 | 0,020 |
| 3 | Công trình giao thông | 0,106 | 0,068 | 0,054 | 0,041 | 0,031 | 0,024 | 0,020 | 0,014 | 0,012 |
| 4 | Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn | 0,117 | 0,076 | 0,060 | 0,046 | 0,035 | 0,026 | 0,022 | 0,016 | 0,014 |
| 5 | Công trình hạ tầng kỹ thuật | 0,122 | 0,082 | 0,062 | 0,047 | 0,037 | 0,029 | 0,024 | 0,017 | 0,014 |

**Phụ lục số 2: Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng khi cơ quan chuyên môn về xây dựng mời tổ chức tư vấn, cá nhân cùng thẩm định** (Thẩm định thiết kế kỹ thuật, thẩm định dự toán xây dựng đối với trường hợp thiết kế ba bước; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình đối với trường hợp thiết kế hai bước)

1. Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật

*Đơn vị tính: Tỷ lệ %*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Loại công trình** | **Chi phí xây dựng (chưa có thuế GTGT) trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu được duyệt (tỷ đồng)** | | | | | | | | |
| **≤15** | **50** | **100** | **200** | **500** | **1. 000** | **2. 000** | **5. 000** | **8. 000** |
| 1 | Công trình dân dụng | 0,0495 | 0,0330 | 0,0255 | 0,0195 | 0,0150 | 0,0123 | 0,0087 | 0,0066 | 0,0057 |
| 2 | Công trình công nghiệp | 0,0570 | 0,0378 | 0,0291 | 0,0225 | 0,0174 | 0,0132 | 0,0105 | 0,0078 | 0,0066 |
| 3 | Công trình giao thông | 0,0327 | 0,0216 | 0,0165 | 0,0129 | 0,0099 | 0,0075 | 0,0063 | 0,0048 | 0,0042 |
| 4 | Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn | 0,0363 | 0,0240 | 0,0183 | 0,0144 | 0,0111 | 0,0084 | 0,0069 | 0,0051 | 0,0042 |
| 5 | Công trình hạ tầng kỹ thuật | 0,0378 | 0,0255 | 0,0195 | 0,015 | 0,0117 | 0,0090 | 0,0780 | 0,0057 | 0,0051 |

2. Phí thẩm định dự toán xây dựng

*Đơn vị tính: Tỷ lệ %*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Loại công trình** | **Chi phí xây dựng (chưa có thuế GTGT) trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu được duyệt (tỷ đồng)** | | | | | | | | |
| **≤15** | **50** | **100** | **200** | **500** | **1. 000** | **2.000** | **5.000** | **8.000** |
| 1 | Công trình dân dụng | 0,0480 | 0,0318 | 0,0249 | 0,0186 | 0,0138 | 0,0114 | 0,0084 | 0,0063 | 0,0054 |
| 2 | Công trình công nghiệp | 0,0555 | 0,0363 | 0,0282 | 0,0216 | 0,0165 | 0,0123 | 0,0099 | 0,0069 | 0,006 |
| 3 | Công trình giao thông | 0,0318 | 0,0204 | 0,0162 | 0,0123 | 0,0093 | 0,0072 | 0,006 | 0,0042 | 0,0036 |
| 4 | Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn | 0,0351 | 0,0228 | 0,0180 | 0,0138 | 0,0105 | 0,0078 | 0,0066 | 0,0048 | 0,0042 |
| 5 | Công trình hạ tầng kỹ thuật | 0,0366 | 0,0246 | 0,0186 | 0,0141 | 0,0111 | 0,0087 | 0,0072 | 0,0051 | 0,0042 |

**II. Lĩnh vực Quy hoạch – kiến trúc**

**1. Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1.** Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định pháp luật

**Bước 2.** Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long).

**\* Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định:**

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức ra phiếu nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả (theo đúng mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg, ngày 25/3/2015) giao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (theo đúng mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg, ngày 25/3/2015) gửi cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (đảm bảo tổ chức, cá nhân chỉ phải bổ sung hồ sơ một lần).

**Bước 3.** Tổ chức, cá nhân nộp phí, lệ phí theo quy định và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo địa chỉ đã gửi hồ sơ ban đầu.

+ Khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, người nhận phải trả lại phiếu nhận hồ sơ và ký vào sổ theo dõi hồ sơ (theo đúng mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg, ngày 25/3/2015);

+ Công chức trả kết quả kiểm tra lại kết quả trước khi trao cho người nhận;

+ Người nhận kết quả kiểm tra lại kết quả, nếu phát hiện có sai sót hoặc không đúng thì yêu cầu điều chỉnh lại cho đúng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*a) Thành phần hồ sơ:*

- Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết (theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định số [37/2010/NĐ-CP)](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=37/2010/N%C4%90-CP%29&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) thành phần hồ sơ gồm:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định;

+ Thuyết minh nội dung nhiệm vụ;

+ Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ;

+ Các bản vẽ in màu thu nhỏ;

+ Các văn bản pháp lý có liên quan.

- Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù, điểm dân cư nông thôn (theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số [44/2015/NĐ-CP)](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=44/2015/N%C4%90-CP%29&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) thành phần hồ sơ gồm:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định;

+ thuyết minh nội dung nhiệm vụ;

+ Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ;

+ Các bản vẽ in màu thu nhỏ;

+ Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch;

+ Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

*b) Số lượng hồ sơ:* 03 (ba) bộ.

**- Thời hạn giải quyết:**

+ Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết[: **20**](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=37/2010/N%C4%90-CP%29:20&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù, điểm dân cư nông thôn: **15** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**Tổ chức, cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý đô thị thành phố, thị xã; Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính***:* Báo cáo thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**không có

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**không có.

**- Phí, lệ phí:**Theo Thông tư số 01/2013/TT-BXD, ngày 08/02/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

**-Căn cứ pháp lý:**

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/20109/QH12 ngày 17/6/2009;

- Nghị định số [37/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=37/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số [44/2015/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=44/2015/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

**2. Thủ tục thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1.** Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định pháp luật

**Bước 2.** Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long).

**\* Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định:**

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức ra phiếu nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả (theo đúng mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg, ngày 25/3/2015) giao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (theo đúng mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg, ngày 25/3/2015) gửi cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (đảm bảo tổ chức, cá nhân chỉ phải bổ sung hồ sơ một lần).

**Bước 3.** Tổ chức, cá nhân nộp phí, lệ phí theo quy định và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo địa chỉ đã gửi hồ sơ ban đầu.

+ Khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, người nhận phải trả lại phiếu nhận hồ sơ và ký vào sổ theo dõi hồ sơ (theo đúng mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg, ngày 25/3/2015);

+ Công chức trả kết quả kiểm tra lại kết quả trước khi trao cho người nhận;

+ Người nhận kết quả kiểm tra lại kết quả, nếu phát hiện có sai sót hoặc không đúng thì yêu cầu điều chỉnh lại cho đúng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*a) Thành phần hồ sơ:*

- Đối với thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết (theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định số [37/2010/NĐ-CP)](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=37/2010/N%C4%90-CP%29&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) thành phần hồ sơ gồm:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định;

+ Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;

+ Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch;

+ Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;

+ Các phụ lục tính toán kèm theo;

+ Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định;

+ Các văn bản pháp lý có liên quan;

- Đối với thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù, điểm dân cư nông thôn (theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số [44/2015/NĐ-CP)](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=44/2015/N%C4%90-CP%29&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) thành phần hồ sơ gồm:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định;

+ Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;

+ Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch;

+ Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;

+ Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định;

+ Các văn bản pháp lý có liên quan;

+ Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch;

+ Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng;

+ Đĩa CD sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án.

*b) Số lượng hồ sơ:* 03 (ba) bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** 25ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**Tổ chức, cá nhân

-**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**Phòng Quản lý đô thị thành phố, thị xã; Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính***:* Báo cáo thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết.

***-* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**không có

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**không có.

**- Phí, lệ phí**: Theo Thông tư số 01/2013/TT-BXD, ngày 08/02/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

+ Nghị định số [37/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=37/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

+ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

+ Nghị định số [44/2015/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=44/2015/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.